

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
ngày 30 tháng 6 năm 2010

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin Công ty

Quyết định số 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh Số 4103002955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2004, điều chỉnh lại ngày 13 tháng 5 năm 2005, ngày 12 tháng 12 năm 2006, ngày 13 tháng 12 năm 2006, ngày 30 tháng 3 năm 2007, ngày 4 tháng 11 năm 2008 và ngày 15 tháng 10 năm 2009. Vào ngày 15 tháng 10 năm 2009, Giấy phép Kinh doanh được chỉnh sửa lần thứ 6 và thay đổi số giấy phép kinh doanh thành số 0301154821.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Võ Hiến	Thành viên
Ông Tề Trí Dũng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Lê Điền	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Lê Hùng	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Hưng	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)

Trụ sở đăng ký 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Điều hành Công ty phê duyệt vào ngày 14 tháng 8 năm 2010. Ban Điều hành có trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện gì để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2010; kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các luồng lưu chuyển tiền cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định pháp lý liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG
Việt Nam**

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 10-01-244



Trần Đình Vĩnh

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0339/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		145.376.611.639	198.127.030.774
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	6.931.181.996	44.870.931.665
Đầu tư ngắn hạn	120	4	37.833.897.088	35.631.232.088
Đầu tư ngắn hạn	121		53.015.561.088	52.920.232.088
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(15.181.664.000)	(17.289.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.789.897.063	107.316.124.748
Phải thu thương mại	131	5	11.353.559.045	12.315.909.336
Trả trước cho người bán	132	6	55.539.838.708	50.858.139.326
Phải thu khác	135	7	30.789.540.842	53.035.117.618
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(8.893.041.532)	(8.893.041.532)
Hàng tồn kho	140	8	8.677.568.338	7.762.208.117
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.144.067.154	2.546.534.156
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		227.389.616	276.030.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		568.257.538	982.404.156
Thuế thu nhập đã trả	154		300.000.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.048.420.000	1.288.100.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản dài hạn	200		1.231.399.706.169	1.195.720.783.652
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.345.621.247	5.906.653.139
Phải thu khác	218		4.345.621.247	5.906.653.139
Tài sản cố định	220		336.945.352.262	325.493.635.341
Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.254.683.594	4.602.055.814
<i>Nguyên giá</i>	222		10.422.816.016	10.319.663.198
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(6.168.132.422)	(5.717.607.384)
Tài sản cố định vô hình	221	10	45.419.056.536	45.739.710.372
<i>Nguyên giá</i>	222		46.648.229.490	46.648.229.490
<i>Phân bổ lũy kế</i>	223		(1.229.172.954)	(908.519.118)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	287.271.612.132	275.151.869.155
Bất động sản đầu tư	240	12	98.435.134.553	97.802.040.681
<i>Nguyên giá</i>	241		115.808.292.204	113.259.450.328
<i>Khấu hao lũy kế</i>	242		(17.373.157.651)	(15.457.409.647)
Đầu tư dài hạn	250	13	779.561.749.772	754.986.602.823
Đầu tư vào công ty con	251		110.610.467.883	106.960.467.883
Đầu tư vào công ty liên kết	252		223.800.194.279	220.860.194.279
Các đầu tư dài hạn khác	258		528.013.192.920	517.266.465.887
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(82.862.105.310)	(90.100.525.226)
Tài sản dài hạn khác	260		12.111.848.335	11.531.851.668
Chi phí trả trước dài hạn	261		86.608.925	120.913.381
Tài sản thuế hoãn lại	262	14	10.399.459.410	10.902.658.287
Tài sản dài hạn khác	268		1.625.780.000	508.280.000
TỔNG TÀI SẢN	270		1.376.776.317.808	1.393.847.814.426

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		758.441.040.331	759.045.972.108
Nợ ngắn hạn	310		339.974.785.813	165.987.429.736
Vay ngắn hạn	311	15	259.937.151.408	72.483.112.000
Phải trả thương mại	312		1.644.356.965	2.594.170.421
Khách hàng tạm ứng	313		1.947.724.343	711.306.821
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	16	805.454.321	9.718.321.664
Phải trả cho nhân viên	315		27.691.591.666	31.307.460.190
Chi phí trích trước	316	17	3.583.879.695	5.232.545.239
Phải trả khác	319	18	38.216.755.209	39.071.668.171
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	6.147.872.206	4.868.845.230
Nợ dài hạn	330		418.466.254.518	593.058.542.372
Các khoản phải trả dài hạn khác	333	20	128.175.197.962	138.244.946.276
Vay dài hạn	334	21	133.397.014.075	297.008.010.954
Doanh thu chưa thực hiện	338	22	156.894.042.481	157.805.585.142
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		618.335.277.477	634.801.842.318
Vốn chủ sở hữu	410		618.335.277.477	634.801.842.318
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu ngân quỹ	414	23	(467.729.002)	(16.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		14.731.614.307	14.731.614.307
Quỹ dự phòng tài chính	418		5.218.459.791	5.218.459.791
Lợi nhuận chưa phân phối	420		31.832.344.078	47.831.195.917
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.376.776.317.808	1.393.847.814.426

Người lập:

[Signature]

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:

[Signature]
Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ	30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	24	32.957.998.657	49.370.483.719	58.563.763.129	85.703.479.966
Các khoản giảm trừ	02		(17.081.840)	(30.702.212)	(37.717.466)	(58.090.112)
Doanh thu thuần	10		32.940.916.817	49.339.781.507	58.526.045.663	85.645.389.854
Giá vốn hàng bán	11	25	(27.253.202.668)	(13.002.097.927)	(45.785.594.139)	(26.305.894.658)
Lợi nhuận gộp	20		5.687.714.149	36.337.683.580	12.740.451.524	59.339.495.196
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	12.612.253.549	6.534.583.741	15.606.013.967	6.703.569.639
Chi phí hoạt động tài chính	22	27	(698.784.498)	(9.261.084.602)	(7.185.742.063)	(20.907.562.349)
Chi phí bán hàng	24		(564.800.593)	(352.536.962)	(1.135.044.099)	(664.354.467)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(5.235.057.200)	(4.874.255.352)	(10.270.794.607)	(8.980.235.769)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.801.325.407	28.384.390.405	9.754.884.722	35.490.912.250
Kết quả các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	28	1.198.460.452	289.543.108	6.911.585.748	1.092.027.749
Chi phí khác	32		(533.057)	(20.000.461)	(765.277.742)	(615.455.001)
Lợi nhuận trước thuế mang sang trang sau	50		12.999.252.802	28.653.933.052	15.901.192.728	35.967.484.998

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ	30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	50		12.999.252.802	28.653.933.052	15.901.192.728	35.967.484.998
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	29	-	(5.126.521.753)	-	(9.438.083.070)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	29	(503.198.877)	(2.609.727.038)	(503.198.877)	(2.609.727.038)
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		12.496.053.925	20.917.684.261	15.397.993.851	23.919.674.890
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	500	1.039	616	1.187

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 7 năm 2009	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	14.731.614.307	1.570.229	5.218.459.791	57.689.206.875	458.582.804.925
Phát hành cổ phiếu	46.345.330.000	136.188.558.303	-	-	-	-	-	182.533.888.303
Cổ phiếu quỹ phát hành lại	-	-	3.544.730.277	-	-	-	-	3.544.730.277
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	2.639.775.042	2.639.775.042
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(12.497.786.000)	(12.497.786.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.570.229)	-	-	(1.570.229)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	14.731.614.307	-	5.218.459.791	47.831.195.917	634.801.842.318
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(467.713.002)	-	-	-	-	(467.713.002)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	15.397.993.851	15.397.993.851
Phân bổ cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.604.490.192)	(5.604.490.192)
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	-	-	-	(24.995.572.000)	(24.995.572.000)
Phí cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(796.783.498)	(796.783.498)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(467.729.002)	14.731.614.307	-	5.218.459.791	31.832.344.078	618.335.277.477

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		15.901.192.728	35.967.484.998
Điều chỉnh cho				
Khấu hao và phân bổ	02		2.686.926.878	2.858.057.798
Các khoản dự phòng	03		(9.345.755.916)	(26.279.258.321)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản	05		(3.032.295.315)	298.180.220
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(5.433.876.009)	(3.999.714.988)
(Lợi nhuận)/lỗ từ hoạt động đầu tư khác	05		(124.000.000)	27.026.743.050
Chi phí lãi vay	06		15.986.082.226	15.952.165.462
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.638.274.592	51.823.658.219
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		19.213.365.687	13.463.933.075
Biến động hàng tồn kho	10		(915.360.221)	795.648.238
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(9.273.441.088)	21.390.223.642
			25.662.838.970	87.473.463.174
Lãi vay đã trả	13		(14.730.401.751)	(10.664.150.909)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.237.419.136)	(2.405.422.232)
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.487.862.647)	(18.739.882.657)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		207.155.436	55.664.007.376

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(15.058.646.008)	(12.085.121.194)
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		3.797.040.000	545.454.540
Thu thuần từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán			124.000.000	587.922.000
Chi cho đầu tư dài hạn khác			(17.486.727.033)	(15.322.515.194)
Thu từ đầu tư dài hạn khác	25		150.000.000	-
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		4.353.876.009	4.006.544.239
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(24.120.457.032)	(20.586.625.198)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Mua lại cổ phiếu quỹ	32		(467.713.002)	-
Thu từ nợ vay ngắn hạn và dài hạn	33		360.251.366.820	67.057.978.590
Thanh toán nợ	34		(336.408.324.291)	(78.633.363.495)
Chi trả cổ tức	36		(37.401.777.600)	(5.294.843.804)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40		(14.026.448.073)	(16.870.228.709)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(37.939.749.669)	18.207.153.469
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		44.870.931.665	11.077.062.364
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	6.931.181.996	29.284.215.833

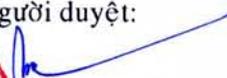
Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ - Thương mại: Tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa, bảo trì theo tiêu chuẩn quốc tế về ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu ô tô như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Hyundai và các nhãn hiệu xe gắn máy SYM, Suzuki, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế bên cạnh việc phát triển các hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi, tổ chức hệ thống máy bán lẻ tự động;
- Dịch vụ bất động sản: Đầu tư, hợp tác, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: Đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như: dịch vụ - thương mại, bất động sản, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2009.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 Công ty có 134 nhân viên (31/12/2009: 128 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con, liên doanh và liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó hợp nhất các báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Công ty với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Công ty ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán có giao dịch phổ biến trên thị trường được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp giá đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 42 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 2 – 7 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 6 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(n) Thuế

Thuế thu nhập tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Phân bổ được trích lập mỗi năm cho các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(p) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê đã chi trả được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(v) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(t) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết và cổ đông có khả năng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến Công ty, các công ty con, công ty liên kết của công ty đó.

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	1.751.560.879	995.753.349
Tiền gửi ngân hàng	5.179.621.117	6.875.178.316
Các khoản tương đương tiền	-	37.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	6.931.181.996	44.870.931.665
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 có số ngoại tệ tương đương 57 triệu VNĐ (31/12/2009: 55 triệu VNĐ).

4. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2010 VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	17.289.000.000	20.528.941.608
Tăng dự phòng trong kỳ	1.040.475.000	22.772.850.930
Hoàn nhập	(3.147.811.000)	(20.528.939.888)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	15.181.664.000	22.772.852.650
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong các khoản đầu tư ngắn hạn có khoản đầu tư với giá trị ghi sổ là 25.204 triệu VNĐ (31/12/2009: 28.204 triệu VNĐ) chưa được niêm yết hoặc giao dịch rộng rãi trên thị trường.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

5. Phải thu thương mại

Phải thu thương mại từ các bên liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 6.819 triệu VNĐ (31/12/2009: 4.778 triệu VNĐ).

6. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 48.530 triệu VNĐ (31/12/2009: 48.030 triệu VNĐ).

7. Phải thu khác

Phải thu khác từ các bên liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 25.065 triệu VNĐ (31/12/2009: 32.107 triệu VNĐ).

8. Hàng tồn kho

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Vật tư	107.871.381	52.088.606
Hàng hóa	8.569.696.957	7.710.119.511
	<hr/>	<hr/>
	8.677.568.338	7.762.208.117
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	5.030.443.103	2.350.066.301	2.939.153.794	10.319.663.198
Tăng trong kỳ	-	103.152.818	-	103.152.818
<hr/>				
Số dư cuối kỳ	5.030.443.103	2.453.219.119	2.939.153.794	10.422.816.016
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu kỳ	2.653.519.397	1.348.016.952	1.716.071.035	5.717.607.384
Khấu hao trong kỳ	106.929.138	164.054.672	179.541.228	450.525.038
<hr/>				
Số dư cuối kỳ	2.760.448.535	1.512.071.624	1.895.612.263	6.168.132.422
<hr/>				
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	2.376.923.706	1.002.049.349	1.223.082.759	4.602.055.814
Số dư cuối kỳ	2.269.994.568	941.147.495	1.043.541.531	4.254.683.594

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 1.829 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31/12/2009: 1.829 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 239 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.672 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.634.054.300	32.014.175.190	46.648.229.490
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	908.519.118	908.519.118
Phân bổ trong kỳ	-	320.653.836	320.653.836
Số dư cuối kỳ	-	1.229.172.954	1.229.172.954
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	14.634.054.300	31.105.656.072	45.739.710.372
Số dư cuối kỳ	14.634.054.300	30.785.002.236	45.419.056.536

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 14.634 triệu VNĐ (31/12/2009: 45.739 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	275.151.869.155	250.500.312.052
Tăng trong kỳ	15.433.329.538	10.771.303.897
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.548.841.876)	(818.300.400)
Thanh lý	(764.744.685)	-
Số dư cuối kỳ	287.271.612.132	260.453.315.549

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ 166.114 triệu VNĐ (31/12/2009: 161.013 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

Trong kỳ, tổng chi phí vay đã được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 9.006 triệu VNĐ (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2009: 9.040 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Nhà cửa VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	57.306.554.900	55.952.895.428	113.259.450.328
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.548.841.876	2.548.841.876
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	57.306.554.900	58.501.737.304	115.808.292.204
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	15.457.409.647	15.457.409.647
Khấu hao trong kỳ	-	1.915.748.004	1.915.748.004
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	-	17.373.157.651	17.373.157.651
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	57.306.554.900	40.495.485.781	97.802.040.681
Số dư cuối kỳ	57.306.554.900	41.128.579.653	98.435.134.553

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được xác định bởi không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 4.893 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31/12/2009: 4.893 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ 77.395 triệu VNĐ (31/12/2009: 83.487 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

13. Đầu tư dài hạn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào:		
▪ Các công ty con	110.610.467.883	106.960.467.883
▪ Các công ty liên kết	223.800.194.279	220.860.194.279
Trái phiếu kho bạc dài hạn	-	150.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	528.013.192.920	517.116.465.887
	<hr/>	<hr/>
	862.423.855.082	845.087.128.049
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(82.862.105.310)	(90.100.525.226)
	<hr/>	<hr/>
	779.561.749.772	754.986.602.823
	<hr/>	<hr/>

Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác (niêm yết và không niêm yết).

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết	Kỳ sáu tháng kết
	thúc ngày	thúc ngày
	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu kỳ	90.100.525.226	116.765.702.654
Tăng dự phòng trong kỳ	8.891.650.996	-
Hoàn nhập	(16.130.070.912)	(28.523.169.363)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	82.862.105.310	88.242.533.291
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 đầu tư vào công ty liên kết với mệnh giá 13.713 triệu VNĐ, đầu tư dài hạn khác (cổ phiếu) với mệnh giá 90.268 triệu VNĐ và đầu tư dài hạn khác (các dự án) với giá trị ghi sổ 51.334 triệu VNĐ (31/12/2009: lần lượt là 13.713 triệu VNĐ 60.730 triệu VNĐ, và 40.103 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các công ty con					
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và 26 tháng 4 năm 2005.	52,05%	6.952.245.883	6.952.245.883
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%	9.248.504.000	9.248.504.000
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM DAEWOO)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu GM-Daewoo. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003.	55%	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Bán lẻ tự động Savico Iagripro (Savico-R)	Kinh doanh động cơ điện, máy bán hàng tự động, phụ tùng, bán và cho thuê máy bán hàng tự động, tư vấn, vận tải nội địa, bưu chính và viễn thông, quảng cáo cho các doanh nghiệp, và dịch vụ cho thuê văn phòng.	Giấy phép Kinh doanh số 4102034948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2005 và điều chỉnh ngày 19 tháng 1 năm 2006 và 12 tháng 10 năm 2007.	99%	9.900.000.000	9.900.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu Hyundai. Mua, bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 11 năm 2009.	51%	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu YAMAHA. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006.	64%	3.500.000.000	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SUZUKI. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông (*)	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu HONDA. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4102055390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007.	55%	-	-
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp, đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2007.	70%	35.000.000.000	35.000.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Chuyên cung cấp và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và các phụ tùng. Kinh doanh động cơ điện, vật liệu xây dựng cao ốc; đại lý thương mại và ủy thác, cho thuê ô tô và dịch vụ vận chuyển.	Giấy phép Kinh doanh số 0401337755 do Sở Kế hoạch và đầu tư cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.	51%	2.950.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007.	51%	25.309.668.000	25.309.668.000
				<hr/>	
				110.610.467.883	106.960.467.883
				<hr/>	

Các công ty liên kết

Công ty TNHH Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	37,5%	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (SYM)	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SYM. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	1.120.000.000	1.120.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	40,27%	3.221.600.000	3.221.600.000
Công ty liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40,19%	31.750.000.000	31.750.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC)	Xây dựng dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	49%	1.526.885.279	1.526.885.279
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005 và ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	16.798.709.000	16.798.709.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, tư vấn và đấu thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.	49%	2.940.000.000	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty TNHH Savico-Vinaland	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.	49,50%	164.043.000.000	164.043.000.000
				<hr/>	<hr/>
				223.800.194.279	220.860.194.279
				<hr/>	<hr/>

(*) Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông là công ty con của Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao. Công ty có quyền kiểm soát gián tiếp, nhưng không trực tiếp góp vốn, đối với Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

14. Tài sản thuế hoãn lại

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Lỗ tính thuế mang sang	9.840.343.583	10.343.542.460
Chi phí trích trước	559.115.827	559.115.827
	10.399.459.410	10.902.658.287
	10.399.459.410	10.902.658.287

15. Vay ngắn hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn có đảm bảo	168.746.039.408	1.807.919.000
Vay ngắn hạn không có đảm bảo	1.800.000.000	35.000.000.000
	170.546.039.408	36.807.919.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	89.391.112.000	35.675.193.000
	259.937.151.408	72.483.112.000
	259.937.151.408	72.483.112.000

Vay ngắn hạn có đảm bảo bởi khoản đầu tư dài hạn với mệnh giá 90.268 triệu VNĐ (31/12/2009: đảm bảo bởi khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn với mệnh giá lần lượt là 7.800 triệu VNĐ và 60.730 triệu VNĐ).

Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất từ 3,6% đến 18% (2009: từ 3,6% đến 18%) một năm.

16. Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	26.763.562	11.818.550
Thuế thu nhập cá nhân	778.690.759	769.083.978
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.937.419.136
	805.454.321	9.718.321.664
	805.454.321	9.718.321.664

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2010 (tiếp theo)

17. Chi phí trích trước

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	1.953.972.444	698.291.969
Chi phí thuê	1.397.396.865	2.442.681.389
Phí kiểm toán	-	660.123.750
Chi phí khác	232.510.386	1.431.448.131
	<hr/>	<hr/>
	3.583.879.695	5.232.545.239
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

18. Phải trả khác

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Cổ tức phải trả	448.231.600	12.854.437.200
Phải trả các bên liên quan (a)	11.900.000.000	-
Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba (b)	20.000.000.000	20.000.000.000
Khác	5.868.523.609	6.217.230.971
	<hr/>	<hr/>
	38.216.755.209	39.071.668.171
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

- a. Phải trả công ty liên quan chịu lãi suất 14% một năm.
- b. Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba chịu lãi suất 12% một năm (2009: 0,875% một tháng).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	4.868.845.230	5.584.990.650
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối	5.604.490.192	-
Sử dụng trong kỳ	(4.325.463.216)	(304.645.420)
Số dư trong kỳ	6.147.872.206	5.280.345.230

Phân bổ lợi nhuận trong kỳ bao gồm 2.949 triệu VNĐ (kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2009: không) là khoản tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

20. Nợ dài hạn khác

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ký quỹ dài hạn nhận được	9.652.613.395	10.011.121.947
Phải trả dài hạn khác	118.522.584.567	128.233.824.329
	128.175.197.962	138.244.946.276

21. Vay dài hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay dài hạn không đảm bảo	34.000.000.000	49.537.878.075
Vay dài hạn có đảm bảo	188.788.126.075	283.145.325.879
	222.788.126.075	332.683.203.954
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15)	(89.391.112.000)	(35.675.193.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	133.397.014.075	297.008.010.954

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Vay dài hạn có đảm bảo được đảm bảo bằng các tài sản dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 309.716 triệu VNĐ và đầu tư vào công ty liên kết có mệnh giá là 13.713 triệu VNĐ (31/12/2009: 291.911 triệu VNĐ và 13.713 triệu VNĐ).

Các khoản vay dài hạn này chịu lãi suất từ 14,7% đến 15,2% (31/12/2009: từ 10,5% đến 14,1%) một năm.

Thời hạn hoàn trả các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	89.391.112.000	35.675.193.000
Từ hai đến năm năm	48.018.515.504	222.567.125.954
Trên năm năm	85.378.498.571	74.440.885.000
	<hr/>	<hr/>
	222.788.126.075	332.683.203.954
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

22. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Doanh thu cho thuê đất từ Toyota Cần Thơ	61.000.000.000	61.000.000.000
Doanh thu cho thuê đất từ Savico – Vinaland	95.397.412.500	96.519.735.000
Khác	496.629.981	285.850.142
	<hr/>	<hr/>
	156.894.042.481	157.805.585.142
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần đã được duyệt	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(13.615)	(467.729.002)	(1)	(16.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.981.958	249.488.000.998	24.995.572	249.955.714.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu kỳ	24.995.572	249.955.714.000	20.139.979	200.065.653.723
Cổ phiếu ngân quỹ mua lại trong kỳ	(13.614)	(467.713.002)	-	-
Số dư cuối kỳ	24.981.958	249.488.000.998	20.139.979	200.065.653.723

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****24. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tổng doanh thu				
▪ Bán hàng	21.889.417.161	9.594.376.305	37.850.346.174	16.531.887.671
▪ Dịch vụ	3.198.167.220	2.995.504.692	6.073.732.432	6.224.557.420
▪ Dịch vụ bất động sản đầu tư	7.870.414.276	36.780.602.722	14.639.684.523	62.947.034.875
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	32.957.998.657	49.370.483.719	58.563.763.129	85.703.479.966
Các khoản giảm trừ	(17.081.840)	(30.702.212)	(37.717.466)	(58.090.112)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	32.940.916.817	49.339.781.507	58.526.045.663	85.645.389.854

25. Giá vốn hàng bán

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Hàng hóa đã bán	20.289.795.225	8.868.189.551	34.817.324.069	15.997.676.215
Dịch vụ cung cấp	5.941.812.394	2.904.519.558	9.052.522.066	6.929.815.662
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	1.021.595.049	865.087.146	1.915.748.004	1.927.425.681
Tài sản cố định thanh lý	-	364.301.672	-	1.450.977.100
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	27.253.202.668	13.002.097.927	45.785.594.139	26.305.894.658

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND	VND	VND
Thu lãi tiền gửi	113.229.480	195.672.528	760.050.251	217.533.626
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	255.436.000	2.697.025.400	521.121.000	2.697.025.400
Cổ tức	2.594.371.430	3.641.885.813	4.673.831.830	3.789.010.613
Khác	9.649.216.639	-	9.651.010.886	-
	12.612.253.549	6.534.583.741	15.606.013.967	6.703.569.639

27. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lãi vay từ ngân hàng	9.804.252.186	5.590.696.022	15.986.082.226	17.178.693.589
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	178.088.939	29.723.768.450	397.121.000	29.723.768.450
Dự phòng đầu tư ngắn hạn và dài hạn	9.932.125.996	26.344.375.174	9.932.125.996	26.344.375.174
Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(19.277.881.912)	(52.623.633.495)	(19.277.881.912)	(52.623.633.495)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	57.329.601	197.598.338	57.329.601	219.266.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.869.688	28.280.113	90.965.152	65.092.113
	698.784.498	9.261.084.602	7.185.742.063	20.907.562.349

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****28. Thu nhập khác**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	3.797.040.000	-	3.797.040.000	545.454.540
Thu nhập từ dự án Savico – Vinaland	1.122.322.500	-	1.122.322.500	-
Thu nhập khác	76.137.952	289.543.108	1.992.223.248	546.573.209
	<u>1.198.460.452</u>	<u>289.543.108</u>	<u>6.911.585.748</u>	<u>1.092.027.749</u>

Thu nhập từ dự án Savico – Vinaland liên quan đến lãi do đánh giá quyền khai thác dự án đem góp vốn vào Savico – Vinaland, một công ty liên kết.

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành				
Kỳ hiện hành	-	5.126.521.753	-	9.438.083.070
Chi phí thuế hoãn lại				
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời		2.609.727.038	-	2.609.727.038
Lỗi tính thuế đã sử dụng	503.198.877	-	503.198.877	-
	<u>503.198.877</u>	<u>2.609.727.038</u>	<u>503.198.877</u>	<u>2.609.727.038</u>
Chi phí thuế thu nhập	<u>503.198.877</u>	<u>7.736.248.791</u>	<u>503.198.877</u>	<u>12.047.810.108</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	12.999.252.802	28.653.933.052	15.901.192.728	35.967.484.998
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	3.249.813.200	7.163.483.263	3.975.298.182	8.991.871.250
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất trên thu nhập khác	-	644.400.360	-	1.769.756.091
Doanh thu không chịu thuế	(2.746.614.323)	-	(3.472.099.305)	(947.252.653)
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	5.380.590.357
Ảnh hưởng của việc ưu đãi thuế	-	(71.634.832)	-	(3.147.154.937)
	503.198.877	7.736.248.791	503.198.877	12.047.810.108

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của Công ty thỏa mãn định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó Công ty được giảm 30 phần trăm chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn của năm 2008 và cả năm 2009. Khoản thuế được giảm cho quý bốn năm 2008 được tính dựa trên một phần tư lợi nhuận chịu thuế của năm theo hướng dẫn trong Thông tư 03.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm, từ 2007 đến 2011.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận thuần trong kỳ	12.496.053.925	20.917.684.261	15.397.993.851	23.919.674.890

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	24.995.572	20.139.979	24.995.572	20.139.979
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2010	(1.764)	-	(882)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ	24.993.808	20.139.979	24.994.690	20.139.979

31. Cổ tức

Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 25 tháng 12 năm 2009 đã quyết định chia cổ tức là 12.498 triệu VNĐ (5% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 15 tháng 1 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

Đại hội Cổ đông của Công ty ngày 16 tháng 4 năm 2010 quyết định chia cổ tức là 24.996 triệu VNĐ (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 21 tháng 5 năm 2010, ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan****Các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	1.099.447.412	689.359.150
Thành viên Ban Giám đốc	544.979.790	368.164.558
Thành viên Ban Kiểm soát	104.805.311	36.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.749.232.513	1.093.523.708

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch	
			Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009
			VND	VND
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HUYNDAI)	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	761.800.000	-
		Phí tư vấn thu từ công ty con	124.882.234	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức thu từ công ty con	200.432.430	-
		Tiền thuê thu từ công ty con	189.398.000	387.677.000
		Mua hàng từ công ty con	644.897.882	1.345.727.271
		Hoa hồng nhận từ công ty con	455.812.500	389.975.500
		Vay từ công ty con	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Sài Gòn Ô Tô (SAIGON FORD)	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	1.287.037.580	600.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch	
			Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn vào công ty con Mua hàng hóa từ công ty con	700.000.000 1.590.835.454	- 3.476.081.818
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ bán lẻ tự động Savico	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	-	140.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Công ty con	Góp vốn vào công ty con	2.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Nhận cổ tức từ công ty con	-	852.766.667
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Khánh Hội Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn vào công ty liên kết	2.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Nhận cổ tức từ công ty liên kết Khoản vay từ công ty liên kết Bán hàng hóa cho công ty liên kết	808.974.928 9.000.000.000 -	- - 132.484.000
Công ty liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết Bán xe ô tô cho công ty liên kết	1.034.643.600 -	1.073.352.060 971.980.200
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Hoa hồng nhận từ công ty liên kết Khoản vay từ công ty liên kết	625.372.000 900.000.000	844.803.300 -
Công ty TNHH Savico – Vinaland	Công ty liên kết	Phí tư vấn thu từ công ty liên kết	805.958.704	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

33. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	6.573.726.288	4.627.295.160
Từ hai đến năm năm	22.382.106.512	7.922.460.192
Trên năm năm	11.360.875.758	12.947.111.214
	<hr/>	<hr/>
	40.316.708.558	25.496.866.566

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng	Kỳ sáu tháng
	kết thúc ngày	kết thúc ngày
	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí mua hàng hóa	34.817.324.069	15.997.676.215
Chi phí nhân công và nhân viên	5.214.295.215	4.700.023.831
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.686.926.878	2.858.057.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.995.935.739	9.787.237.336
Các chi phí khác	2.476.950.944	2.607.489.714

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

35. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày kỳ hiện hành như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2009 (Phân loại lại) VND	31/12/2009 (như đã báo cáo trước đây) VND
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (nợ hiện hành)	4.868.845.230	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (vốn chủ sở hữu)	-	4.868.845.230
Phải trả khác	39.071.668.171	42.509.184.990
Nợ dài hạn khác	138.244.946.276	292.613.014.599
Doanh thu chưa thực hiện	157.805.585.142	-

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010